

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2022

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Toàn

2. Bà Phan Thị Sơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P:*** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2022 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐST - HNGĐ ngày 22/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST – HNGĐ ngày 09/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố L, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố C, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Bà N xây dựng gia đình với ông Nguyễn Thành M vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 05/6/2018.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc khi chung sống. Từ

tháng 10/2021 đến nay bà N đã chuyển về nhà bố mẹ để sống, từ đó đến nay bà N và ông M sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà N nhận thấy không còn tình cảm với ông M nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Bà N và ông M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà N giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Nguyễn Thành M theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông M không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh N đối với ông Nguyễn Thành M.

Về án phí: Bà N đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Ly hôn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P.

Ông Nguyễn Thành M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông M theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Thành M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 05/6/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà N, ông M: Bà N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mỗi khi vợ chồng cãi vã ông M thường có những hành động bạo lực ảnh hưởng đến sức khoẻ của bà N, không cho bà N được tự do gặp gỡ gia đình bên vợ, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ tháng 10/2021 đến nay bà N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống và sống ly thân với ông M. Nhận thấy vợ chồng không hạnh phúc khi chung sống nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông M.

Quá trình giải quyết vụ án, ông M đã được triệu tập để tham gia phiên hòa giải, để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng ông M vắng mặt không có lý do và cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N. Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông M.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà N đối với ông M.

Về con chung: Bà N và ông M không có con chung, bà N không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh N đối với ông Nguyễn Thành M về việc: “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Thành M.

- Về con chung: Các đương sự không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006020 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị Thanh N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thu Hiền

